

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

藥性歌括 *Được tính ca quát* là tên gọi chung của một nhóm gồm nhiều văn bản có tính hợp tập chứa đựng nhiều tri thức về dược học và y học cổ truyền hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tuy bộ sách lấy **藥性歌括四百味** *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền, người thời Minh (Trung Quốc) làm điểm xuất phát cho việc biên soạn các vị thuốc, nhưng các nhà y dược Việt Nam truyền thống đã theo cách tiếp cận của mình đã tạo nên một nhóm văn bản mang tên **藥性歌括** *Được tính ca quát* có tính tổng hợp cả về dược lẫn về y cho mục tiêu phổ biến và hành nghề y dược, truyền dạy các tri thức về y dược. Với tính chất hợp tập về phương diện văn bản cũng như sự xuất hiện với một số lượng khá lớn các văn bản, mỗi văn bản lại có những đặc điểm của riêng mình về phương diện tổ chức cũng như các vấn đề về nội dung. Nhóm văn bản **藥性歌括** *Được tính ca quát* không chỉ là một bộ sưu tập những kiến thức căn bản cho người nhập môn dược y học mà còn là một bộ sưu tập phản ánh nhiều tri y dược học truyền thống có giá trị cho người hiện đại về các lĩnh vực của y dược cổ truyền Việt Nam về các mặt: giới thiệu các cách thức biên soạn và ghi chép các tài liệu cho người học và thực hành nghề thầy thuốc; giới thiệu dược liệu học của Trung Hoa và đặc biệt là giới thiệu dược liệu của Việt Nam; thể hiện sự học hỏi, tiếp thu sáng tạo của người Việt Nam trước tri thức Trung y.

Với nhận thức như vậy, cho nên chúng tôi đã chọn đề tài **Nghiên cứu văn bản 藥性歌括** *Được tính ca quát* làm đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ Hán Nôm của mình

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm hệ thống hóa nhóm các văn bản cùng mang tên **藥性歌括** *Được tính ca quát* hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm; nghiên cứu về phương diện văn bản học để làm rõ tính chất hợp tập, tính nguyên sơ dân gian; phân tích nhóm văn bản theo cấu trúc phần chung và cấu trúc phần riêng của cả nhóm trong mối quan hệ liên văn bản với **藥性歌括四百味** *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền, cũng như mối quan hệ giữa các văn bản để từ đó làm rõ đặc điểm sách truyền nghề y dược mang tính dân gian nguyên sơ theo lối ghi chép tổng hợp, hợp tập truyền nghề dược học, y học cổ truyền. Từ đó, góp phần làm sáng tỏ giá trị nhiều mặt của nhóm văn bản **藥性歌括** *Được tính ca quát* này trên nhiều phương diện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nhóm văn bản **藥性歌括** *Được tính ca quát* hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm gồm các bản với các kí hiệu sau đây:

1. *Được tính ca quát* **藥性歌****藥性歌括**, VNV.274, gồm 62 tờ (128 trang).
2. *Được tính ca quát* **藥性歌****藥性歌括**, VHV.518, gồm 73 tờ (146 trang).
3. *Được tính ca quát* **藥性歌****藥性歌括**, VHV.519, gồm 39 tờ (78 trang)

4. *Được tính ca quát* 藥性歌藥性歌括, VHv.536, gồm 29 tờ (58 trang)
5. *Được tính ca quát* 藥性歌藥性歌括, VHv. 1027, gồm 32 tờ (64 trang)
6. *Được tính ca quát* 藥性歌藥性歌括, VHb. 209, gồm 135 tờ (262 trang).
7. *Được tính ca quát* 藥性歌藥性歌括, VHv.515, gồm 77 tờ (154 trang).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu là đi sâu nghiên cứu văn bản nhóm văn bản *Được tính* được nêu trên từ các phương diện như văn bản học và văn bản. Trong nghiên cứu văn bản thì đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề được văn bản hóa (tức nội dung của văn bản) nhằm nêu được nhiều giá trị thông tin từ văn bản.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận án, NCS sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp văn bản học Hán Nôm là phương pháp chủ đạo được vận dụng nhằm đề cập đến các vấn đề về mặt văn bản học của nhóm văn bản *Được tính ca quát*.

- Phương pháp định lượng, nhằm thống kê, lượng hóa các vị thuốc ghi trong các văn bản. Từ đó, đưa ra những biện luận, phân tích về các dị văn và xác định độ tin cậy của các vị thuốc.

- Phương pháp thông diễn học (hay còn gọi là thuyết thích học, phiên dịch học) cũng được sử dụng để giải thích, giải nghĩa và phiên dịch các dược liệu trong *Được tính ca quát*. Đây là phương pháp giúp thấu hiểu văn bản và minh giải văn bản.

- Nghiên cứu liên ngành nhằm nêu ra những giá trị lịch sử, văn hóa, y học,... được thể hiện trong tác phẩm *Được tính ca quát*.

- Phương pháp y học, với định hướng khai thác giá trị nội dung của tác phẩm *Được tính ca quát*, góp phần giới thiệu dược tính trong dược liệu học và xã hội hóa tác phẩm y học cổ truyền.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Từ việc nghiên cứu nhóm văn bản *Được tính ca quát*, luận án có những ý nghĩa khoa học và thực tiễn sau:

- Hệ thống hóa một cách tổng thể văn bản *Được tính ca quát* hiện lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, nghiên cứu đặc điểm văn bản về mặt văn bản học để làm rõ tính nguyên sơ dân gian về mặt văn bản học của chúng.

- So sánh đối chiếu các văn bản nhằm nêu ra cấu trúc phần chung và cấu trúc phần riêng tức các bộ phận hình thành văn bản của cả nhóm văn bản này qua cơ cấu mục.

- So sánh, đối chiếu nhóm văn bản *Được tính ca quát* hiện còn ở Viện nghiên cứu Hán Nôm với *Được tính ca quát* tứ bách vị của Cung Đình Hiền (Trung Quốc) để thấy được cách ghi chép, biên tập *Được tính ca quát* của người Việt Nam.

- Các giá trị về phương diện tư liệu của tác phẩm *Được tính ca quát* được tập trung khai thác, nhằm cung cấp thông tin về y học cổ truyền Việt Nam nói chung, cũng như góp phần hiểu thêm về dược liệu học nói riêng.

- Kết quả nghiên cứu của luận án là giới thiệu một phần nào đó về Y học truyền thống Việt Nam thể hiện qua thư tịch Hán Nôm, thể hiện

tính chất nguyên sơ, truyền nghề, cảm nang, giáo trình, sổ tay ghi chép về y dược của người Việt Nam.

6. Bố cục của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận án được bố cục thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu văn bản *Được tính ca quát*

Chương 2: Khảo sát văn bản *Được tính ca quát*

Chương 3: Nội dung văn bản *Được tính ca quát*

Chương 4. Giá trị văn bản *Được tính ca quát*

Phân Phụ lục của luận án cung cấp các bảng biểu thống kê so sánh và tuyển dịch tác phẩm *Được tính ca quát* (bản VHv.515).

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Để tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Nghiên cứu văn bản “*Được tính ca quát*”, các nội dung được đề cập đến trong chương này gồm các vấn đề: Tình hình nghiên cứu thư tịch y dược Hán Nôm. Tình hình nghiên cứu văn bản *Được tính ca quát*. Hướng triển khai của đề tài luận án.

1.1. Tình hình nghiên cứu thư tịch y dược Hán Nôm

Tình hình nghiên cứu về thư tịch y dược Hán Nôm Việt Nam diễn ra khá phong phú. Đề tiện theo dõi, NCS phân thành các tiêu mục như sau:

1.1.1. Sơ khảo về nguồn thư tịch y dược Hán Nôm

Y học cổ truyền ở nước ta nói chung, thư tịch Hán Nôm nói riêng có lịch sử hình thành và phát triển sớm trên cơ sở ảnh hưởng, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của Trung y gắn với tên tuổi của nhiều các y gia qua các thời, tiêu biểu như Chu Văn An, Tuệ Tĩnh (Nguyễn Bá Tĩnh), Hải Thượng Lãn Ông (Lê Hữu Trác),... Qua tìm hiểu, các văn bản Hán văn viết về y học cổ truyền nói chung, có số lượng khá đa dạng, phong phú được lưu giữ tại kho sách của các thư viện: Viện nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện quốc gia Việt Nam, thư viện các trường đại học Y, các thư viện công, số còn lại hiện còn nằm tại tư gia. Đó là các sách viết bằng chữ Hán, chữ Nôm viết về y học, từ điển y học cổ truyền; những công trình nghiên cứu chuyên sâu, biên dịch và giới thiệu về y học cổ truyền. Trong đó, một số thư tịch y học là kết quả tổng hợp kinh nghiệm khám chữa bệnh của nhiều người Việt Nam trải nhiều đời; một số thư tịch là sách ghi chép, tiếp thu toàn bộ hoặc một phần, biên soạn lại thư tịch Trung y cho phù hợp với mục đích sử dụng của người Việt. Mỗi cuốn sách là nguồn tư liệu quý, chứa đựng nhiều tri thức bổ ích để người đời sau tra cứu, học tập, kế thừa và phát triển.

Có thể kể đến một số thư tịch y dược Hán Nôm như: *Nam dược thần hiệu* 南藥神效 của Tuệ Tĩnh (1330 - 1400), ký hiệu VHv.1664/1-7,

VHv.1665/1-4, VHv.520, VHv.1017/1; *Bản thảo* 本草, kí hiệu VHv. 524; *Bản thảo phân loại* 本草分类, kí hiệu A.1203; *Bản thảo ngọc kính cách vật* 本草玉镜格物, kí hiệu VNv.183; *Lĩnh Nam bản thảo* 嶺南本草 do Hải Thượng Lãn Ông biên soạn, kí hiệu VHv.1628, VHv.525; *Hải Thượng Lãn Ông y tông tâm lĩnh toàn trật* 海上懶翁醫宗心領全秩 do Lê Hữu Trác 黎有卓 biên tập và viết tựa năm Cảnh Hưng Canh Dân (1730); *Dược phương được tính tập biên* 藥方藥性雜編, ký hiệu VHv.1023....

1.1.2. Tình hình nghiên cứu thư tịch y dược Hán Nôm

Tình hình nghiên cứu thư tịch y dược Hán Nôm có thể được chia thành một số lĩnh vực sau đây:

- Công tác biên mục tư liệu thư tịch Hán Nôm trong các bộ sách *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần Văn Giáp, *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* của Trần Nghĩa và François Gros.

- Các nghiên cứu chuyên sâu về thư tịch y dược cổ truyền Việt Nam

1.1.2.1. Biên mục thư tịch Hán Nôm

+/*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm của Trần Văn Giáp*

Trần Văn Giáp tác giả của cuốn *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, 2 tập. Tập I do Nhà xuất bản Văn hóa, xuất bản năm 1984. Tập II do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất năm 1990. Ông là người Việt Nam thứ ba biên soạn thư mục thư tịch dân tộc sau Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú.

Giá trị của bộ thư mục này trước hết ở chỗ “ nó là bộ thư mục dân tộc, tổng hợp, hồi cổ như một tấm gương phản ánh kho tàng sách phong phú của dân tộc ta”[17], đã giới thiệu 300 tác giả với 428 đầu sách được chọn lọc và phân tích kĩ, chia theo chủ đề: *Lịch sử, Địa lí, Kỹ thuật, Ngôn ngữ văn tự, Văn học nghệ thuật, Triết học, Tôn giáo, Sách tổng hợp*. Trong đó, các đầu sách viết về y dược được tác giả đưa vào chủ đề *Kỹ thuật, Ngôn ngữ*. Xem xét nội dung miêu tả của sách, chúng tôi thống kê được một số đầu sách viết về y dược như: *Nam dược thần hiệu* 南藥神效, 6 quyển, Tuệ Tĩnh Tiên sinh; *Tân thuyết Hải Thượng y tông tâm lĩnh toàn trật* 新詮海上懶翁醫宗心領全秩, 65 quyển; *Bảo sinh diên thọ toán yếu* 寶生延壽纂要, 5 quyển, Đào Công Chính soạn; *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* 指南玉音解義, sách in, 1 quyển, thượng hạ; *Vũ trung tùy bút* 武中隨筆, 2 quyển A.2313, A.1297, Phạm Đình Hổ; *Nhật dụng thường đàm* 日用常談, 1 quyển, Phạm Đình Hổ soạn...

Ngoài những thư tịch nêu trên còn có *Đại Nam quốc ngữ* của Hải Châu Tử, giới thiệu về *Bách quả, Bách thảo, Vũ trùng, Trùng trại, Thân thể, Tật bệnh, Bách mộc, Mao trùng, Giáp trùng* hay *Nam phương danh vật bị khảo* của tác giả Đặng Xuân Bảng có nội dung viết về tên gọi các sản vật ở nước ta, có ghi chú tên địa phương của sản vật ấy. Vì vậy, chúng tôi cũng đề cập đến hai cuốn sách này khi giới thiệu biên mục thư tịch Hán Nôm y học trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*.

+/*Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu*

Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu là một công trình có ý nghĩa, khái quát và hệ thống thư tịch Hán Nôm trong đó có thư tịch y học Hán Nôm do Trần Nghĩa và François Gros đồng chủ biên, Nxb.KHXH,

1993. Công trình này đã tập hợp, miêu tả nội dung và hình thức những thư tịch Hán Nôm nói chung và thư tịch y dược truyền thống nói riêng. Thư mục thống kê 5038 tên sách. “Mỗi tên sách ứng với một hoặc nhiều cuốn sách hoặc nhiều bộ sách”, chia thư tịch Hán Nôm theo các chủ đề: *Bản đồ, Bang giao, Báo chí, Địa bạ, Văn học, Sử học, ...* Mỗi chủ đề có tới vài trăm đầu sách, được đánh kí hiệu riêng, tiện cho việc tra cứu, tìm kiếm tư liệu của độc giả. Chỉ riêng chủ đề *Dược liệu* (157 sách) và *Y trị* (377 sách) có tới 543 đầu sách với nội dung phong phú, toàn diện như giới thiệu dược liệu, dược tính, chẩn mạch, các bài thuốc gia truyền, y gia nổi tiếng như Tuệ Tĩnh, Lê Hữu Trác... Qua đó, người đọc có được cái nhìn tương đối toàn diện về mảng tư liệu này. Một số thư tịch Hán Nôm tiêu biểu được giới thiệu trong Hán Nôm thư mục đề yếu như: *Bản thảo* 本草, kí hiệu VHv.524; *Bản thảo phân loại* 本草分類, kí hiệu A.1203.3; *Bản thảo thực vật* 本草食物, kí hiệu A.2014; *Bản thảo thực vật toàn yếu* 本草食物纂要, kí hiệu A.1219; *Bản thảo yếu lược* (quyển nhì) 本草要錄(卷二), kí hiệu VHv.2938; *Hải thượng lãn ông y tông tâm lĩnh toàn trật* 海上懶翁醫宗心領全秩, Lê Hữu Trác biên tập và viết tựa năm Canh Dân (1730)...

Ngoài ra, còn có rất nhiều thư tịch về trị bệnh cụ thể: *Trị phong tê chứng*, VNV.223; *Trị tạp bệnh gia truyền quốc ngữ ca*, VNV.238; *Trị tiểu nhi các chứng bệnh phủ mạch luận*, VHv.1670...

1.1.2.2. Những nghiên cứu tổng quát và chuyên sâu về thư tịch y dược Hán Nôm

+/*Tìm hiểu thư tịch y dược cổ truyền Việt Nam*

Sách do Lâm Giang chủ biên, Nxb. KHXH xuất bản năm 2009, cung cấp cho người đọc hệ thống các văn bản Hán Nôm y dược ở nước ta: tên sách, kí hiệu, nội dung chính, quy mô, cách thức biên soạn. Ngoài phần phụ lục, sách được chia thành hai phần chính, phần thứ nhất: *Thư tịch y dược cổ truyền Việt Nam, thực trạng*. Phần thứ hai: *Thống kê tên sách, kí hiệu thư viện, những sách không miêu tả trong Mục lục chi tiết*. Nội dung cuốn sách đã khái quát được lịch sử y học cổ truyền ở nước ta cũng như những y thư và y gia đã đóng góp công sức xây dựng nền y học cổ truyền dân tộc. Cuộc đời, sự nghiệp cũng như tác phẩm của họ đã ảnh hưởng đến những người làm công tác y học truyền thống để cho thế hệ kế tiếp kế thừa, học hỏi và phát triển. So với các công trình nêu trên, *Tìm hiểu thư tịch y dược cổ truyền Việt Nam* là một trong những công trình vừa thể hiện sự kế thừa những thành quả nghiên cứu của người đi trước vừa thể hiện chiều sâu khi giới thiệu danh mục y thư y học cổ truyền ở Việt Nam.

Theo Lâm Giang, người Việt đã tiếp thu toàn bộ, hoặc một phần có chọn lọc những tác phẩm tiêu biểu của người Trung Quốc như: *Ứng nghiệm nhân khoa lương phương* (1859) của Trình Tùng, in hoạt tự, đề tựa năm Hàm Phong thứ 8; *Thọ thể bảo nguyên* (1862) của Cung Vân Lâm, in hoạt tự, tựa do Trương Vỹ viết năm Đồng Trị nguyên niên; *Thần Nông bản thảo kinh độc* (do Tiêu Khâm Lãng hiệu chú, *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền đời Minh soạn, Nxb Khoa học Kỹ thuật Thượng Hải xuất bản năm 1982; *Mạch Kinh* của Vương Thúc Hòa, đời

Tấn soạn, Nxb Nhân dân vệ sinh xuất bản in ảnh, không ghi năm xuất bản; của Cung Ứng Viên, in hoạt tự, không ghi năm và *Bảo xích* bách hiệu toàn thư nơi xuất bản...

+/*Công trình nghiên cứu giới thiệu văn bản Hán Nôm viết về cây làm thuốc ở Việt Nam*

Đề tài cấp bộ *Nghiên cứu giới thiệu văn bản Hán Nôm viết về cây làm thuốc ở Việt Nam* của Nguyễn Tá Nhí (chủ biên), dày 613 trang ngoài phần mở đầu, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung chính gồm hai phần. Phần 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu văn bản Hán Nôm viết về cây làm thuốc*. Phần hai: *Tuyển dịch giới thiệu một số văn bản có giá trị*. Trong công trình khoa học này, PGS.TS. Nguyễn Tá Nhí đã hệ thống văn bản Hán Nôm viết về cây làm thuốc lưu giữ tại kho sách của VNCHN, đặc biệt là những văn bản chưa được công bố, giới thiệu. Phần tuyển dịch, giới thiệu văn bản, tác giả “quan tâm nhiều đến tác phẩm điển Nôm, nhất là các bản dịch thành thơ thất ngôn hoặc lục bát”.

+/*Các nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực hay vấn đề thư tịch y dược học cổ truyền*

Mai Hồng có bài báo “Tìm hiểu tư liệu về Tuệ Tĩnh” đăng trên *Tạp chí Hán Nôm* số 2 năm 1985. Bài báo đã cung cấp thêm một số tư liệu về Tuệ Tĩnh như: tư liệu về truyền thuyết và di tích ở địa phương; tư liệu về khoa bảng của tuệ Tĩnh; tài liệu về việc đi sứ của Tuệ Tĩnh; tác phẩm mang tên Tuệ Tĩnh; về niên hiệu, địa danh niên đại trong tác phẩm; về từ ngữ và cách viết của *Nam dược quốc ngữ phú*; về bài ca *Thập tam phương gia giảm*. Cuối cùng là đưa ra những nhận định bước đầu về Tuệ Tĩnh.

Chu Tuyết Lan có bài “Giới thiệu lịch sử y dược truyền thống ở Việt Nam” đăng trên *Tạp chí Việt Nam khoa học xã hội*, số 1, năm 2000.

Phạm Hoàng Giang có bài viết “Về một cuốn sách thuốc quý mới sưu tầm được”, *Thông báo Hán Nôm học*, năm 2009, tr.329 -324.

Tác giả Lâm Giang với nhóm bài viết: “Hai tác giả y dược cổ truyền thế kỉ XV”, *Tạp chí Hán Nôm* số 2, năm 1996. Bài viết giới thiệu hai tác phẩm y học *Bán thảo thực vật toàn yếu* của Phan Phu Tiên và *Bảo anh lương phương* của Nguyễn Trục. “Sách nhãn khoa trong kho thư tịch y dược cổ truyền”, *Thông báo Hán Nôm học*, năm 1997 ; “Sách châm cứu trong kho thư tịch y dược cổ truyền”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2, năm 1997; ... Sách *Tìm hiểu thư tịch y dược cổ truyền Việt Nam*, Nxb KHXH, năm 2009.

Nguyễn Thị Dương với một số bài nghiên cứu như: “Bài Dược phương ca viết bằng chữ Nôm nói về phương pháp trị bệnh ung thư”, *Thông báo Hán Nôm học* 2002, tr 108-112, “Bùi Thúc Trình và những tác phẩm y học”, *Tạp chí Hán Nôm* số 4 (83)-2007, tr.42-48, Bàn thêm đôi điều về tác gia Hán Nôm Nguyễn Dịch, *Thông báo Hán Nôm học* 2006, “Giới thiệu khái quát mảng thư tịch Hán Nôm y dược Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1(92), 2009, tr 29-40, “Giới thiệu khái quát mảng thư tịch Hán Nôm y dược Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1(92), 2009, tr 29-40, “Vài nét về đóng góp của Nho sĩ Việt Nam đối với việc tạo lập và truyền

bá văn bản y học Hán Nôm.

1.1.3. Tình hình biên dịch thư tịch y dược Hán Nôm

Đã có nhiều tác phẩm thuộc phạm trù thư tịch y dược Hán Nôm đã được biên dịch ra tiếng Việt hiện đại. Tiêu biểu như một số thư tịch: *Hồng nghĩa giác tư y thư* của Tuệ Tĩnh, Nxb Y học, năm 1978; *Hoàng nhân toát yếu của Hoàng Đôn Hòa*, Nxb Y học, năm 1980; *Châm cứu tiếp hiệu diên ca của Nguyễn Đại Năng*, Nxb Y học năm 1981; *Y phương ca quát của Ngô Trần Thiêm*, Nxb Y học, năm 1986; *Hải Thượng Lãn Ông y tông tâm lĩnh*, Nxb Y học, năm 1993; *Nam dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh*, Nxb Y học năm 1993; *Vệ sinh yếu quyết và Nữ công thắng lâm* của Hải Thượng Lãn Ông, Nxb Y học, năm 1996; *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nxb Y học, năm 1998; *Tuệ Tĩnh và y học cổ truyền Việt Nam* của tác giả Lê Trần Đức, Nxb Y học, năm 1975; *Bắc Nam dược điển* (1942), *Bắc dược bản thảo* (1931), *Phượng dược chỉ nam* của tác giả Lê Trần Đức, Nxb Hà Nội, 1942; *Thần thể và sự nghiệp của Hải Thượng Lãn Ông* do Viện nghiên cứu Đông y xuất bản năm 1970; *Thuốc Nam và châm cứu* do Viện Nghiên cứu Đông y TP. Hồ Chí Minh xuất bản năm 1976; *Hải Thượng Lãn Ông với nghề làm thuốc* của Lê Ngọc Vũ, xuất bản năm 1944; *Dược tính ca quát tứ bách vị* (1998), Nxb Mũi Cà Mau; *Thang đầu ca quyết* (2000), Nxb Mũi Cà Mau.

1.1.4. Tư liệu y dược Hán Nôm cho các công trình y học hiện đại

Y học tùng thư (1931), Khoa thuốc trẻ em (1832), Khoa thuốc đàn bà (1933), Tính dược giải nghĩa (1933 – 1937), Sách thuốc sỏi đầu (1940), Sách thuốc đau mắt (1941), Sách thuốc gia truyền kinh nghiệm (1941), Sách dạy xem mạch (1942), Sách thuốc thương hàn (1942), Sách thuốc Hải Thượng (1942), Nhật Hoa y học (1942), Hoàng đế nội kinh Tổ vấn (Dịch - 1953), Phụ khoa (1953), Nhi khoa (1953) của tác giả Nguyễn Tử Siêu.

Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi, xuất bản năm 1962, sau đó được tái bản nhiều lần. Đây là công trình khoa học giành được nhiều giải mở ra hướng nghiên cứu chuyên sâu cho không ít các công trình tìm hiểu, nghiên cứu về y học cổ truyền, trong công tác phòng, chữa bệnh. Sách viết về các loại cây dùng làm thuốc ở Việt Nam, tính vị của các loại dược liệu, công hiệu cũng như tính ứng dụng của các loài cây đó vào trong việc chăm sóc sức khỏe.

Phạm Hoàng Hộ với công trình đồ sộ *Cây cỏ Việt Nam* (3 tập), Nxb Trẻ, năm 2003. Nội dung sách giới thiệu đến bạn đọc thế giới thực vật ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn một số các sách khác như: *Dược điển Đông y Trung Quốc*, bản in roneo, Thư viện y học Trung ương, năm 1963; *Dược liệu Việt Nam*, Bộ Y tế, Nxb Y học, năm 1978.; *Y học cổ truyền - Lý, Pháp, Phương*, *Dược* của tác giả Ly Trần Khiết, Nxb Y học, năm 1988; *Cây thuốc Việt Nam*, Viện dược liệu, Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội, 1990; *Dược điển Việt Nam (tập 1, tập 2, tập 3)*, in lần thứ hai (1989, 1991, 1994); *Từ điển Đông y học cổ truyền* của Nguyễn Thiện Quyết, Nguyễn Mộng Hưng, Nxb Khoa học kỹ thuật, năm 1990; *Danh từ Đông y* của Nguyễn Thanh Giản do

Nhà xuất bản Y học xuất bản năm 1990; *Từ điển cây thuốc Việt Nam* của Võ Văn Chi, Nxb Y học, năm 1997...

1.2. Tình hình nghiên cứu về văn bản *Được tính ca quát*

Việc điểm lại tình hình nghiên cứu văn bản *Được tính ca quát* trong phần viết này bao gồm các vấn đề sau: *Được tính ca quát tứ bách vị* hay nguồn gốc của *Được tính ca quát*. Những ghi chép trong các công trình biên mục về *Được tính ca quát*. Việc hệ thống hóa các vấn đề trong *Được tính ca quát* của Lâm Giang. Những công trình giới thiệu và biên dịch *Được tính ca quát*.

1.2.1. *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền

Được tính ca quát Hán Nôm Việt Nam có nguồn gốc từ *Được tính ca quát tứ bách vị* của y gia Cung Đình Hiền (Trung Quốc). *Được tính ca quát tứ bách vị* của y gia Cung Đình Hiền giới thiệu 392 vị dược liệu và đặc điểm, tính chất công dụng của dược liệu. Văn bản không chỉ ảnh hưởng đến các thầy thuốc Đông y Trung Hoa mà còn đến các lương y nước ta; trở thành cuốn sách cẩm nang học tập, chữa bệnh cho nhiều người.

Theo *Trung y từ điển*, Cung Đình Hiền 龔廷賢, người đời Minh - thời đại nền kinh tế, văn hóa xã hội đặc biệt là y học phát triển mạnh. Ông tự là Tử Tài 子才, hiệu là Vân Lâm Sơn Nhân 雲林山人, biệt hiệu là Ngộ Chân Tử 悟真子, người làng 下澌 Hạ Tư, huyện 金溪 Kim Khê thuộc 江西 Giang Tây (Trung Quốc). Ông là con trong một gia đình có truyền thống y học, sống trong thời đại “danh y bồi xuất, y phái lâm lập” như nhà nghiên cứu Lý Kinh Vỹ đã nhận xét. Chạy là Cung Tín, làm quan trong Thái Y viện. Một mặt, tiếp nối truyền thống gia đình, Cung Đình Hiền chuyên tâm vào y thuật, tìm hiểu kỹ lưỡng y thư đời trước. Mặt khác, ông không ngừng học hỏi các danh y cùng thời để tự nâng cao hiểu biết, tri thức về y học của bản thân. Do có công trong việc chữa khỏi bệnh nan y cho vương phi, ông được tiến cử làm Thái y viện lại mục, được ban biên ngạch “Y lâm trạng nguyên » . Khi ông mất (thọ 93 tuổi, theo các từ điển Trung y) được vẽ chân dung để thờ.

Ông đã biên soạn khá nhiều công trình y học hay như : *Được tính ca quát tứ bách vị*, *Được tính ca*, *Vân lâm thân cốt*, *Vạn bệnh hồi xuân*, *Thọ thế bảo nguyên*... Tên tuổi và các tác phẩm do ông biên soạn đã vượt qua giới hạn lãnh thổ Trung Hoa, có sự ảnh hưởng nhất định tới sự hình thành và phát triển của nền y học cổ truyền của Việt Nam.

1.2.2. Những biên chép thư mục học về *Được tính ca quát*

Được tính ca quát đã được đề cập đến trong một số công trình biên mục, thư mục Hán Nôm như *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993. Ở sách này, *Được tính ca quát* được lấy tên là *Được tính ca*. Mục 773 có viết *Được tính ca* 藥性歌 [=*Được tính ca quát* 藥性歌括]: 6 bản viết, có chữ Nôm: VHv. 209: 262 tr., 20 x 15; VNv. 274: 240 tr., 27 x 15; VHv. 1027: 66 tr., 28 x 16; VHv. 518: 290 tr., 25 x 13; VHv. 519: 98 tr., 27 x 15; VHv. 536: 119 tr., 27 x 16.

VNv. 274 có 200 tr. Là một phần của bộ *Hình luật*, từ điều 43 đến điều thứ 321.

VHv. 1027 có *Chỉ nam lược*, tức *Dược phẩm Nam danh khí vị ca quát*.

VHv. 578 có bài ca *Nôm Lô Công bào chế pháp*, nói về phép bào chế thuốc và một số bài ca, quyết về xem mạch, trị bệnh.

VHv. 519 có *Chân mạch quốc ngữ tân ca*, bài ca Nôm, 7-7-6-8 nói về cách xem mạch

VHv.536 có một số bài bàn về phương pháp điều trị bệnh, một số bài thuốc chữa bệnh.

* *Dược tính ca* là một thiên của sách *Nam Thiên đức bảo toàn thư*, do Lê Đức Huệ soạn. (GS. Trần Nghĩa - Prof. Fr. Gros đồng chủ biên, *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993, Tập 1, mục 773, *Dược tính ca*, trang 445- 446).

1.2.3. Việc hệ thống hóa các vấn đề trong *Dược tính ca quát*

Lâm Giang trong công trình *Tìm hiểu thư tịch y dược học cổ truyền Việt Nam*, đã chỉ ra trong mục 55, trang 283, *Dược tính ca quát* gồm có 7 bản chép tay, có chữ Hán, chữ Nôm, chữ phương.

Từ các văn bản được ông hệ thống hóa lại các vấn đề nội dung của các văn bản này thành 17 mục và cũng là 17 vấn đề như: *Dược tính ca quát*, *Chỉ nam lược*, *Tập bệnh*, *Chân mạch quốc ngữ tân ca*, *Lôi Công bào chế pháp*, *Dược tính phú*, *Nhân thân thất nữ phú*, Các bài phú về mạch tạng phủ...

1.2.4. Những công trình giới thiệu và biên dịch *Dược tính ca quát*

Ở nước ta, có công trình 藥性歌括 *Dược tính ca quát* do Lương y Trần Văn Quảng biên soạn, chép lại nguyên văn cuốn *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền đời nhà Minh, dịch nghĩa nguyên bản, dịch nghĩa phần chú giải của tác giả Hạ Hưng Đồng để cho người đọc ngày nay dễ hiểu. Cách làm này của ông giúp cho những người không có chuyên môn về Đông y nắm bắt vấn đề một cách thuận lợi, đơn giản hơn.

Nhận thức *Dược tính ca quát* là tư liệu y học giá trị, sau khi triển khai đề tài luận án *Nghiên cứu văn bản *Dược tính ca quát**, NCS đã viết một vài bài báo nghiên cứu về văn bản này dưới các góc độ. Qua đó, rút ra nhận xét về điểm tương đồng, khác biệt về số lượng, quy mô, nội dung của loại sách viết về cây làm thuốc của hai quốc gia (Việt Nam, Trung Hoa).

Tác giả luận án có một số bài viết liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến văn bản *Dược tính ca quát* (danh mục các bài viết cụ thể được trình bày trong trang 24) giới thiệu khái quát hoặc đi sâu vào một số nội dung, giá trị cụ thể của văn bản.

1.3. Một số nhận xét và định hướng nghiên cứu luận án

- Các công trình nghiên cứu về *Dược tính ca quát* thừa nhận có một nhóm văn bản cùng tên gồm các bản: VHv.518, VHv.274, VHv.515, VHv.519, VHB.209, VHv.536, VHv.1027.

- Từ 7 văn bản nêu trên, Lâm Giang đã khái quát lên 17 phạm trù nội dung, được đưa vào tài liệu biên mục *Tìm hiểu y dược cổ truyền Việt Nam*.

- Theo biên mục của Lâm Giang, việc gộp thành 17 phạm trù nội dung vẫn mang tính chất tản mạn quá lớn, không nói rõ tính chất hợp tập của nó ; không nói rõ 17 phạm trù nội dung đó được phân xuất từ đâu.

- Các nghiên cứu khác chỉ lẻ tẻ giới thiệu một vài khía cạnh cụ thể của lĩnh vực y học truyền thống như Chu Tuyết Lan, Nguyễn Thị Dương, Lâm Giang, Phạm Hoàng Giang....

Từ các mục phần nội dung của *Dược tính ca quát* nêu trên, cho phép hình dung văn bản *Dược tính ca quát* ở Viện nghiên cứu Hán Nôm là bộ nhập môn, giáo trình sơ tập những tri thức về dược tính, nguồn tư liệu về dược liệu được dùng làm tài liệu học tập chữ Hán, chữ Nôm và tri thức về y học truyền thống ở nước ta. Ở thời điểm hiện tại, vì lí do nào đó, nghiên cứu về *Dược tính ca quát* vẫn chỉ dừng lại ở góc độ hẹp, giới thiệu chung chung về văn bản, chép lại văn bản, viết chữ Hán và giải nghĩa chữ Hán. Hiện vẫn chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu giới thiệu về mặt kết cấu, tổ chức văn bản, hệ thống hóa các văn bản 藥性歌括 *Dược tính ca quát* đề thế hệ ngày nay và mai sau có cái nhìn tổng quát về nhóm văn bản này, lĩnh hội tri thức cha ông ta để lại trong y thư được thuận lợi, chính xác.

1.4. Định hướng nghiên cứu của luận án

Dược tính ca quát của người Việt Nam chứa đựng nhiều nội dung, tính hợp tập, phức tạp về mặt văn bản học... rất có giá trị đối với nền y học cổ truyền nước nhà, định hướng nghiên cứu của luận án là :

- Hệ thống hóa các văn bản có tên *Dược tính ca quát* hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nghiên cứu các văn bản này từ góc độ văn bản học để xác định tính nguyên sơ dân gian, tính hợp tập về dược học và y học của nhóm văn bản này.

- Tiến hành đối chiếu các văn bản cùng được mang tên *Dược tính ca quát*.

- Trên cơ sở danh mục hệ các vấn đề dược văn bản hóa tiến hành phân loại các vấn đề dược văn bản hóa theo mục, theo cơ chế lưỡng phân và đối lập để lập ra danh mục các mục hay các vấn đề có trong nhiều văn bản và danh mục các mục hay các vấn đề chỉ có trong một văn bản

- Cấu trúc phần chung mang tính tổng hợp trên cơ sở có một phần chung nhau là *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền và định ngữ “dược tính” có trong tên sách theo các chỉ số như “đùng nguyên”, “tính lực”, “tăng bổ”, hướng vào các vấn đề dược liệu Việt Nam qua tăng bổ và trích tuyển từ các tài liệu Việt Nam, vấn đề bào chế và vấn đề sử dụng thuốc.

- Cấu trúc phần riêng mang tính phân tích tính vì các mục của phần riêng chỉ xuất hiện có một lần trong một văn bản gồm khoảng 70 mục vào 3 nhóm vấn đề lớn. Một là nhóm các vấn đề có tính hay nội dung liên quan

đến khoa giải phẫu sinh lí người. Hai là nhóm các vấn đề về mạch gồm cả những hiểu biết về mạch và thuật bắt mạch. Ba là nhóm các vấn đề về bệnh và chữa bệnh.

- Nghiên cứu giá trị nội dung của *Dược tính ca quát* về mặt lý thuyết dược học, y học cổ truyền, ứng dụng vào thực tiễn đời sống chẩn đoán, điều trị, bào chế dược liệu...

- Nghiên cứu giá trị nghệ thuật tác phẩm, vấn đề thể loại, ngôn ngữ văn tự,... góp phần nhận diện hình thức tác phẩm dược liệu trong y dược cổ truyền Việt Nam.

Tiểu kết

Trong chương này, chúng tôi đã sơ bộ giới thiệu tình hình nghiên cứu về thư tịch y dược học cổ truyền Việt Nam trên các khía cạnh như công tác biên mục qua các bộ thư mục biên mục (*Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*) và các bộ sách biên mục theo chủ đề (*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*) cũng như các nghiên cứu chuyên sâu về thư mục, những nghiên cứu theo các lĩnh vực cụ thể về tài liệu y dược Hán Nôm Việt Nam, những bộ sách y dược Hán Nôm đã được phiên dịch ra tiếng Việt hiện đại cũng như đề cập đến cả những công trình y học hiện đại có sử dụng tư liệu y dược học cổ truyền Việt Nam được ghi bằng chữ Hán, chữ Nôm làm cơ sở cho việc tổng quan tình hình nghiên cứu về *Dược tính ca quát*.

Việc tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến *Dược tính ca quát* đã được thực hiện qua các phương diện như: công tác biên mục, công tác nghiên cứu văn bản, công tác hệ thống hóa các vấn đề nội dung từ 07 văn bản.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài cả ở phương diện bao quát về tư liệu thư tịch y dược Hán Nôm nói chung và *Dược tính ca quát* nói riêng, định hướng nghiên cứu cho luận án đã được xác định với các nội dung chủ yếu như sau: hệ thống hóa danh mục văn bản, nghiên cứu các văn bản từ góc nhìn văn bản học Hán Nôm, lập danh mục các vấn đề được văn bản hóa và phân loại chúng thành hai cấu trúc (phần chung, phần riêng) để xác định các nội dung dược y tính có trong *Dược tính ca quát*, xác lập văn bản đại diện cho cả nhóm 07 văn bản và đề cập đến giá trị của *Dược tính ca quát* trên một số phương diện chủ yếu.

CHƯƠNG 2

KHẢO SÁT VĂN BẢN *DƯỢC TÍNH CA QUÁT*

Chương này đi vào các vấn đề như: hệ thống hóa danh mục 07 văn bản *Dược tính ca quát* hiện đang được lưu giữ tại VNCHN, mô tả kết cấu của từng văn bản, nêu lên những nhận xét về văn bản học của nhóm văn bản này, hệ thống hóa hệ các vấn đề nội dung từ 07 văn bản, xem xét chúng trong mối quan hệ đối chiếu với *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiến nhằm làm sáng tỏ một số đặc điểm cơ bản của nhóm văn bản *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam.

2.1. Danh mục văn bản *Dược tính ca quát*

Trong kho sách Hán Nôm của VNCHN có các văn bản mang tên 藥性歌括 *Dược tính ca quát* với các kí hiệu: VHv.518; VHv.515; VHv.536; VHv.519; VHv.1027; VHv.2070; VHb.209; VNv.274.

Các văn bản này hình thành một nhóm văn bản cùng tên cần được khảo sát về mặt văn bản học để làm sáng rõ các đặc điểm văn bản học của từng văn bản cụ thể.

Trật tự sắp xếp này dựa theo nguyên tắc phục vụ cho yêu cầu đối chiếu các văn bản của luận án. Theo đó, văn bản nào có nhiều mục nhất sẽ được chọn làm bản cơ sở cho mục đích đối chiếu.

Mỗi mục được xem là những ghi chép tách biệt có đề mục rõ ràng. Đề mục là những chữ viết to có nội dung tách biệt với mục trên hay mục dưới. Một mục cũng có thể được xem như một phần.

Có thể thấy, trong danh mục 07 văn bản dưới đây đều là các văn bản viết tay, không có tên tác giả, niên đại, được viết bằng văn tự Hán, văn tự Nôm hoặc cả văn tự Hán và Nôm.

2.1.1. *Dược tính ca quát*, VHv.518

2.1.2. *Dược tính ca quát*, VHv.515

2.1.3. *Dược tính ca quát*, VHv.519

2.1.4. *Dược tính ca quát*, VHv.1027

2.1.5. *Dược tính ca quát*, VHv.536

2.1.6. *Dược tính ca quát*, VHb.209

2.1.7. *Dược tính ca quát*, VNv.274

2.2. Những nhận xét về văn bản học

Sau quá trình khảo cứu, giới thiệu khái quát các văn bản có tên 藥性歌括 *Dược tính ca quát* có thể rút ra một số nhận xét sau đây về mặt văn bản học.

2.2.1. Đơn vị số lượng hay độ dày của các văn bản

Các bản mang tên 藥性歌括 *Dược tính ca quát* có độ dài ngắn khác nhau. Sắp xếp theo chỉ số độ dày, có một trật tự như dưới đây:

1. Văn bản *Dược tính ca quát* kí hiệu VHb.209 là văn bản có số tờ nhiều nhất: 135 tờ (270 trang).

2. Văn bản *Dược tính ca quát* VHv.515 có độ dài 77 tờ (154 trang).

3. Văn bản *Dược tính ca quát* VHv.518 có 73 tờ (146 trang).

4. Văn bản *Dược tính ca quát* VHv.519 có 39 tờ (78 trang).

5. Văn bản *Dược tính ca quát* VHv.1027 có 32 tờ (64 trang).

6. Văn bản *Dược tính ca quát* VHv.536 chỉ có 28 tờ (56 trang).

7. Văn bản *Dược tính ca quát* VNv.274 có 64 tờ (128 trang).

Độ dày của các văn bản không thống nhất nhau. Điều này cho phép đưa ra những nhận xét ban đầu về chúng là DTCQ được nhiều người sao chép và sao chép từ nhiều nguồn khác nhau theo các yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể của mình.

2.2.2. Tình hình văn tự, ngôn ngữ, giá trị nghệ thuật của các văn bản

Tình hình văn tự, ngôn ngữ của nhóm văn bản cũng có thể được đề cập ở nhiều góc độ khác nhau: Góc độ văn tự và góc độ ngôn ngữ.

Ở góc độ văn tự, nổi bật lên vấn đề thư pháp. Chữ Hán ở đây có

nhiều thể chữ như chân, thảo, hành, chính tự, tục tự, thông tự.

Ở góc độ ngôn ngữ lại là các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ sử dụng của chúng.

Ngoài *Được tính ca quát* VHv.536 viết theo lối chữ chân, các bản còn lại chữ viết thảo thảo hơn nhiều. Có nhiều trang bị mờ, mất chữ, khó đọc. Chữ Hán được sử dụng chủ yếu là chữ phồn thể, số ít là chữ giản thể, chữ viết theo kiểu tục tự, viết tắt. Lối viết tục tự hay tắt của chúng ở một mức độ nhất định cho thấy mức độ cá nhân, phổ biến và dân gian của nhóm văn bản này.

Các văn bản 藥性歌括 *Được tính ca quát* được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tất nhiên, chữ Hán được sử dụng chủ yếu (5/12 nội dung trong văn bản) để sao chép thư tịch.

2.2.3. Thể loại văn học chữ Hán trong các văn bản

Thể loại văn học chữ Hán trong các văn bản vốn là các thể loại thông dụng trong văn học Trung Quốc như “ca”, “phủ”, “luận”, “thức” ... Từ góc độ nghệ thuật mà xét, rõ ràng các thể loại văn học có mặt trong văn bản đã mang đến một hơi thở riêng trong hợp tập *Được tính ca quát*, tạo nên sự đa dạng, phong phú, hấp dẫn nhất định.

“Ca” và “ca quát”, “quốc ngữ tân ca” được sử dụng cho việc lưu truyền các tài liệu mang tính tri thức về dược, y, mạch của nhóm văn bản này trước hết có liên quan đến nguồn gốc bộ sách 藥性歌括四百味 *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền. Đồng thời còn liên quan đến các phương thức lưu truyền trong dân gian hay tính gia truyền của nhóm văn bản này cho việc truyền nghề cũng như tổng kết các kinh nghiệm và tri thức về y dược mà các thế hệ lương y trong dân gian ở Việt Nam đã thực hiện trong nhiều thế kỉ của thời trung đại.

Phủ là thể loại được sử dụng nhiều (8 phần/mục) trong tổng số 17 phần/mục ở *Được tính ca quát* VHv.515.

Sau phủ là luận, là thể nêu ra những bàn luận về một vấn đề nào đó như viết về Lục phủ của cơ thể, đề cập đến nội dung giải phẫu sinh lí người: *Tiểu trường phủ luận*, *Đảm phủ luận*, *Vị phủ luận*, *Đại trường phủ luận*, *Bàng quang phủ luận*, *Tam tiêu phủ luận*.

DTCQ với tính thông dụng như thể, được dùng làm tài liệu dạy học. được các sư dùng làm sách dạy học chữ Hán và chữa bệnh cho các sa cơ và các sư tăng trong chùa.

Hiện tượng sử dụng phương thức “thức” có tính dạng thức trong việc trình bày các vấn đề về các loại bệnh cụ thể.

2.2.4. Thể loại văn học chữ Nôm trong các văn bản

Văn tự Nôm được sử dụng để ghi chép các bài thuốc dân gian và phương pháp bào chế dược liệu.

Thể loại văn học chữ Nôm được sử dụng nhiều là thể loại ca. “Quốc ngữ ca” được dùng làm định ngữ ở các mục sử dụng văn tự dân tộc. “Ca” cũng là từ được dùng để định danh các bài ca viết bằng văn tự dân tộc như *Kinh trị quốc ngữ ca* (Chữa kinh mạch, dùng lối ca quốc ngữ). Nhờ đó, giảm được sự khô khan vốn có, đồng thời giúp cho việc lĩnh hội kinh nghiệm bào

chế của ông cha được thuận lợi.

2.2.5. Tính nguyên sơ về mặt văn bản học

Tính “nguyên sơ” về mặt văn bản học thể hiện trong việc hình thành cũng như lưu truyền văn bản của chúng.

Tính nguyên sơ dân gian này được thể hiện trên nhiều phương diện như quá trình hình thành chúng, người biên tập, người ghi chép cũng như các nội dung ghi chép. Nhưng do tính nguyên sơ dân gian và trực tiếp liên quan đến việc hành nghề của những người làm hay sử dụng các tài liệu này cho ta thấy, các tài liệu này được lưu hành có tính nghề chuyên môn trong một giới khá thạo chữ Hán và chữ Nôm.

2.3. Tính hợp tập và cơ cấu tổ chức của văn bản *Được tính ca quát*

Tính hợp tập của văn bản *Được tính ca quát* được thể hiện qua các vấn đề có liên quan đến phương diện nguồn tư liệu tổ chức văn bản và qua các vấn đề có liên quan đến phương diện tổ chức nội dung văn bản. Tính hợp tập vừa được thể hiện ở phương diện nguồn tư liệu và cơ cấu các vấn đề thuộc bình diện nội dung được sắp xếp trong từng văn bản và trong cả nhóm văn bản *Được tính ca quát*.

2.3.1. Nguồn tư liệu tổ chức văn bản *Được tính ca quát*

Văn bản *Được tính ca quát* gồm 07 văn bản với cơ cấu tổ chức bao gồm nhiều mục. Nếu tính chi tiết các mục có trong 07 văn bản được mạng ra khảo sát lên tới 70 mục. Xét về nguồn gốc ta thấy, có hai nguồn chủ yếu. Một là nguồn từ các tài liệu Trung Quốc. Hai là các nguồn từ tài liệu được tổ hợp và biên tập ở Việt Nam.

Hầu hết các mục đó đều có quan hệ với các tài liệu thư tịch y được cổ truyền Việt Nam. Chúng ta có thể tìm thấy chúng trong nhiều tư liệu Hán Nôm về y được hiện đang được lưu giữ tại VNCHN và được đăng kí trong bộ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*.

Nhà nghiên cứu Lâm Giang trong công trình *Tìm hiểu thư tịch y được học cổ truyền Việt Nam*, đã chỉ ra mối liên hệ giữa các mục ghi chép trong *Được tính ca quát* với các nguồn tài liệu khác của kho sách Hán Nôm nói chung và tên các nguồn đó cũng được ông nêu rõ trong nhiều mục trong chính công trình của mình. Theo đó, *Được tính ca quát* gồm có 7 bản chép tay, có chữ Hán, chữ Nôm, chân phương. Văn bản gồm có nhiều nội dung. Thành viên đầu tiên cho sự hình thành này là bộ sách *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền thời Minh. Bộ sách này nói về tính năng, công dụng của gần 400 loại dược liệu.

2.3.2. Cơ cấu tổ chức văn bản *Được tính ca quát*

Cơ cấu tổ chức văn bản tức là sự sắp đặt các mục trong từng văn bản nói riêng và sự hệ thống hóa nội dung của tất cả các mục trong 07 văn bản nói chung.

Trong cả nhóm 07 văn bản *Được tính ca quát* chứa đựng rất nhiều nội dung làm nên tính hợp tập của nhóm văn bản. Hợp tập như là một trong những đặc trưng cơ bản nhất trong các phương thức cấu thành và tổ chức văn bản; là sự kết hợp trong một quyển sách hay trong một văn bản nhiều chủ đề nội dung mà giữa các chủ đề nội dung này về cơ bản phải

được gắn kết với nhau cho một chủ đích nào đó nhưng có khi mỗi liên hệ của chúng khá yếu.

Tính hợp tập của nhóm văn bản mang định danh *Dược tính ca quát* được thể hiện qua danh mục các mục hay các phần của từng văn bản.

Mỗi mục thường là một nội dung khá trọn vẹn, có tên đề mục.

Cả phần chung và phần riêng tạo nên tính hợp tập, hợp tuyến của từng văn bản và của cả nhóm 07 văn bản.

2.3.2.1. Cơ cấu các mục ở phần chung

a. *Dược tính ca quát* 藥性歌括

Phần chung của các văn bản mang tên 藥性歌括 *Dược tính ca quát* (VHv.518, VNv.274, Vhv.515, VHB.209, Vhv.536, VHv.519, VHv.1027) có phần chung là *mục Dược tính ca quát*.

Lấy “vị thuốc” làm đơn vị của dược liệu và cấp độ tinh lược có thể được chia thành một số loại (loại văn bản đầy đủ, loại văn bản tinh lược tuyệt đối và tương đối).

Ngoài ra, còn có một loạt vấn đề về sự tương đồng và dị biệt của nhóm văn bản *Dược tính ca quát* như cách dùng chữ trong tên dược liệu, khi dùng chữ Hán phồn thể, khi dùng chữ Hán giản thể...

b. *Lôi Công bào chế pháp* 雷公炮製法 雷公炮製法

Lôi Công bào chế pháp viết về các phương pháp bào chế dược liệu của *Lôi Công* được thể hiện ở hai dạng thức ngôn ngữ văn tự. Một là ở dạng thuần Hán văn. Hai là ở dạng quốc ngữ ghi bằng chữ Nôm.

Xét thấy phần chung của nhóm *dược tính* nếu chỉ dựa vào *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền thì chưa đủ nên người Việt đã bổ sung thêm 25 vị thuốc Nam vào (qua mục *Tăng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị*).

Sự có mặt của 雷公炮製法 *Lôi Công bào chế pháp* trong hợp tập này vừa là điều cần thiết và cũng rất hợp lí với người thầy thuốc.

c. *Nhân thân phú* 人身賦 人身賦

Nhân thân phú 人身賦 - bài phú viết về cơ thể con người. Ở đây vừa đan xen những tri thức có tính giải phẫu sinh lí con người cũng như trong mối quan hệ với việc xem mạch, chẩn đoán, bốc thuốc, chữa bệnh.

Người làm Đông y nhất định phải hiểu sâu sắc hai học thuyết Âm dương - Ngũ hành để có thể ứng dụng nó vào trong chẩn đoán nguyên nhân phát sinh, khám chữa bệnh.

Những mục có nội dung hướng vào *dược tính*, dược liệu như các lời dẫn, các bài phú hay các bài thuốc được dùng để trị một số chứng bệnh cụ thể nên *DƯỢC TÍNH* trở thành tính chủ đạo của cả bộ sách cho dù chúng được tồn tại ở dạng thức 07 văn bản.

2.3.2.2. Cơ cấu các mục ở phần riêng

Cơ cấu phần riêng là tập hợp các mục có riêng trong từng văn bản. Các mục tham gia vào cơ cấu phần riêng chỉ xuất hiện một lần trong một văn bản. Nếu như các mục thuộc cấu trúc phần chung đã được trình bày ở chương 3 của luận án này nhìn chung thuộc vào lĩnh vực *dược* (dược liệu, *dược tính*, *dược lí*, *bào chế* ...) thì sẽ không được trình bày ở chương này.

Cơ cấu phần riêng mang tính phân tích tính, thể hiện cả trên phương diện số lượng và chất lượng, thường hướng vào các vấn đề có tính khái quát, hướng vào mạch và y; Thường sử dụng các loại thể văn học như phú, luận, thuyết; Hướng vào mục tiêu truyền giảng và phổ biến dược-mạch-y với thể ca, ca quyết. Văn tự sử dụng chủ yếu là văn tự Nôm (quốc âm, quốc ngữ)

2.3.3. Hệ vấn đề về nội dung và tính đại diện của văn bản VHv.515

2.3.3.1. Hệ vấn đề về nội dung của Dược tính ca quát

Việc mô tả cơ cấu các mục có trọng 07 văn bản cũng như từ cơ cấu các mục có trong 07 văn bản là cơ sở để chúng ta qui nội dung thành nhóm những vấn đề có tính khái quát hóa cao ứng với danh xưng của văn bản là **DUỐC TÍNH CA QUÁT**.

Qua 03 đơn vị mục của cơ cấu phần chung (*Dược tính ca quát, Tăng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị, Lôi Công bảo chế pháp*) cho ta thấy, các mục thuộc cơ cấu phần chung hướng các vấn đề của dược liệu, dược tính, phép bào chế.

Phần riêng dùng để chỉ tập hợp những mục chỉ có trong một văn bản so với những gì chung của các văn bản, nhìn chung có số lượng gấp đến hàng chục lần so với các mục thuộc phần trừ phần chung. Nó vừa đề bổ sung, vừa đề phụ trợ, vừa làm sáng rõ phần chung và làm sáng rõ tên gọi của cả quyển sách.

Để phục vụ cho việc trình bày về **DUỐC** nên rất nhiều các mục có liên quan đến **MẠCH** và **Y** đã được thiết lập, giúp cho **DUỐC TÍNH CA QUÁT** trở thành cẩm nang **Y DUỐC** đối với bất kỳ ai muốn dùng nó chứ không bị giới hạn ở **DUỐC** hay **DUỐC TÍNH**. **DUỐC - MẠCH - Y** là hệ vấn đề về phương diện nội dung của *Dược tính ca quát*

2.3.3.2. VHv.515 - văn bản đại diện cho Dược tính ca quát

Song song với việc khái quát hóa vấn đề nội dung **DTCQ**, một vấn đề có tầm quan trọng không kém là phải xác định văn bản đại diện trong nhóm 07 văn bản **DTCQ** theo yêu cầu của công tác nghiên cứu văn bản học. Mục tiêu cuối cùng của công tác nghiên cứu văn bản học là công bố văn bản. Ở trong nhiều trường hợp, văn bản được công bố sau khi đã thực hiện các công tác văn bản học thường là một văn bản gần với tác giả biên soạn, biên tập, có niên đại sớm,... Tựu trung lại, đó là một văn bản tốt nhất đáp ứng các tiêu chí của văn bản học.

Tuy nhiên, *Dược tính ca quát* thì tình hình lại có các yêu cầu riêng. Là một văn bản mang tính “nguyên sơ dân gian”, không có nhiều các tiêu chí cho việc xác định tác giả, niên đại, người sao chép cũng như các vấn đề về phổ hệ văn bản. **DTCQ** còn là một văn bản có tính hợp tập mang tính giáo khoa, có tính cẩm nang truyền nghề và thực hành nghề y dược cho các thầy thuốc truyền thống khi xưa. Do đó, kết quả cuối cùng của công tác nghiên cứu văn bản học ở đây là ở chỗ, phải giới thiệu cho được một văn bản có tính đại diện cho cả nhóm. Văn bản đại diện này phải đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về mặt văn bản học nội chung đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu của một quyển sách có tính cẩm nang về dược tính tương

ứng với hệ vấn đề về nội dung của cả nhóm văn bản này nói riêng.

Tính đại diện của văn bản này phải phù hợp với các đơn vị số lượng cũng như các đơn vị chất lượng của cả 07 văn bản.

Theo các tiêu chí như thế, văn bản 藥性歌括 *Được tính ca quát*, VHv. 515 có thể được xem là văn bản có ưu thế nhất xét về mặt nội dung cũng như mặt số lượng.

Tiểu kết

Qua việc khảo sát 7 văn bản cùng mang tên 藥性歌括 *Được tính ca quát*, chúng tôi thấy về mặt văn bản học, đây là nhóm văn bản mang tính nguyên sơ dân gian. Chúng được thu nhận về kho sách Hán Nôm của các cơ quan quản lý trực tiếp từ dân gian ngõ hầu như không qua một sự chỉnh lý hay biên tập. Sự lưu hành tự phát của cả một nhóm các văn bản hay các quyển sách như thế trong dân gian chính là kết quả tự nhiên đáp ứng các yêu cầu truyền nghề cũng như tính ích dụng của các vấn đề được văn bản hóa ở trong đó.

Mọi văn bản ở đây đều có mục/phần *Được tính ca quát* lấy từ 藥性歌括四百味 *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiến thời Minh. Tuy vậy, với nghề thầy thuốc nhất là trong điều kiện hạn chế về thông tin nên nếu chỉ giới hạn trong việc lưu truyền và phổ biến 藥性歌括四百味 *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiến là chưa đủ. Các nhà y dược học truyền thống lại bổ sung các ghi chép có tính thông tin truyền nghề về MẠCH và Y cũng như nhiều vấn đề khác. Tổng thể các vấn đề được trình bày như là một hợp tập về DƯỢC - MẠCH - Y, làm sổ tay hay cẩm nang y dược cho mọi người muốn làm thầy thuốc cũng như cho mọi thầy thuốc. Điều này làm nên tính hợp tập của nhóm văn bản 藥性歌括 *Được tính ca quát*.

Tính hợp tập của 藥性歌括 *Được tính ca quát* cũng không làm mất đi cái lí do cho các bộ sách này được mang một cái tên chung Hệ vấn đề về phương diện nội dung của *Được tính ca quát* là DƯỢC - MẠCH - Y.

Văn bản VHv.515 là văn bản có tính đại diện cho *Được tính ca quát*.

Những gì được trình bày trong chương này nói chung sẽ là cơ sở cho việc trình bày nội dung của 藥性歌括 *Được tính ca quát* ở chương 3 tiếp theo dưới đây.

CHƯƠNG 3

NỘI DUNG VĂN BẢN DƯỢC TÍNH CA QUÁT

Chương này trình bày về nội dung văn bản *Được tính ca quát* theo hệ các vấn đề được khái quát hóa và trình bày ở Chương 2. Đó là hệ các vấn đề về DƯỢC - MẠCH - Y.

Tương ứng với hệ vấn đề trên là nguồn tư liệu được sử dụng cho việc trình bày. Với các vấn đề về DƯỢC, văn bản VHv.515 sẽ được sử dụng bởi tính đại diện của văn bản này cho cả nhóm 07 văn bản *Được tính ca quát* nói chung.

3.1. Hệ các vấn đề nội dung về dược

Hệ thống các vấn đề về DƯỢC là cách nói chung bao gồm tổng thể

các vấn đề có liên quan đến dược, dược liệu, dược tính cũng như bào chế dược. Do vậy, khi nói đến hệ thống các vấn đề này cần phải hệ thống hóa các mục hay các phần có các nội dung trên. Chúng tôi đã tiến hành phân xuất từ 63 mục của 07 văn bản dược các mục sau đây liên quan đến dược.

3.1.1. Tổng hợp các mục có nội dung về dược

3.1.1.1. Danh mục có nội dung về dược

Nhân tố làm cho một loạt sách có một cái tên chung *Dược tính ca quát* chính là các mục có nội dung hướng vào dược, dược liệu, dược tính, bào chế dược. Xét theo vị trí và cơ cấu, chúng có độ dài lớn nhất. Ở cả 07 văn bản tùy theo mức độ khác nhau, ở dạng đầy đủ hay tinh lược, chúng đều có những nội dung này, tạo nên cấu trúc phần chung cho cả nhóm văn bản. Tính chung này không chỉ về mặt ngữ văn, tức là những mục trùng tên gọi hoàn toàn mà còn bao gồm trong đó các mục đề cập đến vấn đề dược.

Các mục có nội dung về dược là *Dược tính ca quát*, *Chỉ nam lược*, *Dược tính phú*, *Hàn tính phú*, *Nhiệt tính phú*, *Ôn tính phú*, *Bình tính phú*, *Lôi Công bào chế pháp*, *Lôi công bào chế quốc ngữ ca*, *Thương hàn dụng dược diễn quốc âm ca*, *Chủ trị các kinh hàn dược*, *Ôn quát dược phẩm ca*.

3.1.1.2. Phân loại và tổng hợp các mục có nội dung về dược

Từ danh mục trên, ta có thể chia thành mấy nhóm vấn đề như sau:

- Nhóm các vấn đề về tên dược liệu và dược tính của chúng:

- Nhóm vấn đề bào chế thuốc và sử dụng thuốc

Từ sự phân loại và tổng hợp trên đây, các vấn đề sau sẽ được trình bày ở dưới đây theo thực tế văn bản.

Một là các vấn đề DTCQ; 增補附指南二十五味 *Tăng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị* đề sẽ được trình bày theo bản VHv.515. Hai vấn đề trên hướng về chủ đề dược liệu và ở mức độ nhất định sẽ làm nổi bật tính chất Việt Nam của việc sử dụng *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền, nhất là sự bổ sung 25 vị thuốc so với Cung Đình Hiền.

Hai là các vấn đề có tính chuyên sâu về dược tính dược thể hiện qua nhiều văn bản khác nhau. Sự có mặt của các bài phụ có tính chuyên về dược sẽ làm sâu sắc hơn các tri thức có tính lý luận về dược tính và cũng là sự bổ sung và tiếp nối cho dược liệu.

Ba là các vấn đề bào chế dược lấy *Lôi Công bào chế pháp* làm tiêu biểu.

3.1.3. Cơ cấu thành phần dược liệu

Cơ cấu thành phần các vị thuốc vốn thuộc phạm trù y dược hơn là nghiên cứu Hán Nôm. Tuy vậy, ở mức độ rất giới hạn, luận án cũng đề cập đến thành phần dược liệu của các vị thuốc này ở mức độ sơ đẳng nhất. Ở đây, chúng tôi chia dược liệu theo nguồn gốc như:

3.1.2.1. *Nhóm dược liệu có nguồn gốc thảo mộc*: A ngày 阿魏, An tức hương 安息香, Anh quân tử 英君子, Ba đậu 巴豆, Ba kích 巴戟, Bá tử 柏子, Bạc hà 薄荷, Bách bội 百倍, Bạch cập 白芨, Bạch chỉ 白芷, Bạch đầu ông 白頭翁, Bạch giới 白芥, Bách hợp 柏合, Bạch liềm 白蔞, Bạch phụ 白附, Bạch quả 白果, Bạch thực 白芍, Bạch trạch 白朮...

3.1.2.2. Nhóm dược liệu có nguồn gốc động vật, hải sản:

A giao 阿胶, Áp nhục 鸭肉, Bạch cập nhục 白鸽肉, Bạch nga 白鹅, Ban miêu 斑蝥, Bàng giải 螃蟹, Cáp lệ 蛤蜊, Cáp thực 蛤食, Cầu tích 狗脊, Dương nhục 羊肉, Điền loa 田螺, Hoa xà 花蛇, Hạc sắt 鹤虱, Hải phân 海粉, Hải phiêu 海蝶, Hải phiêu tiêu 海蝶蛸, Hùng đảm 熊胆, Hùng hoàng 雄黄...

3.1.2.3. Nhóm dược liệu có nguồn gốc khoáng vật:

Bạch phàn 白礬, Bàng sa 礬砂, Châu sa 硃砂, Dạ minh sa 夜明砂, Dương khởi thạch 陽起石, Diêm thực 鹽食, Hồ phách 琥珀, Hoạt thạch 活石, Huyền minh phân 玄明粉, Khinh phân 輕粉, Linh sa 灵砂, Long não 竜腦...

3.1.2.4. Nhóm dược liệu có nguồn gốc khác

Đồng tiện 童便, Thô醋, Tửu酒.

Trong mỗi nhóm trên, lại có thể phân loại dựa theo đặc điểm, tính chất, công dụng của dược liệu.

3.1.3. 增補輔指南二十五味 Tăng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị

Việc đưa thêm 25 vị thuốc đã được thấy ở văn bản *Dược tính ca quát* mang kí hiệu VHv.515 đã đưa thêm 25 vị thuốc nam (增補輔指南二十五味 Tăng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị). Thêm vào đó, người Việt đã dùng công dịch ra tiếng Việt bằng chữ Nôm rất công phu. Hơn thế nữa, còn có phần tổng kết từ bách vị cộng gộp cả 24 vị tăng bổ “藥共四百味 併增補指南二十五味 *Dược cộng tứ bách vị tính tăng bổ chỉ nam nhị thập ngũ vị*” (tờ 31). Nhưng trên thực tế chỉ có 24 vị dược liệu.

3.1.4. Vấn đề dược tính của *Dược tính ca quát*

Vấn đề dược tính có thể được thấy ngay trong cách trình bày của *Dược tính ca quát từ bách vị* của Cung Đình Hiến. Bên cạnh việc trình bày dược tính được lồng ngay vào dược liệu, *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam lại còn bao gồm trọng mình nhiều bài phú cũng như nhiều cách trình bày khác về dược tính. Ở mục này, vấn đề dược tính được chia làm hai nội dung. Một là nội dung dược tính trong mối quan hệ với cách trình bày dược tính trong *Dược tính ca quát từ bách vị* của Cung Đình Hiến. Hai là nội dung về dược tính được trình bày qua một số bài phú. Đó là:

3.1.4.1. Dược liệu trong *Dược tính ca quát* theo dược tính

Dược tính còn gọi là tính năng “gồm các nội dung về tứ khí (hàn, nhiệt, ôn, bình), ngũ vị (cam, toan, tân, khổ, hàn), quy kinh, hướng tác dụng: thăng (đi lên), giáng (đi xuống), phù (tỏa ra ngoài), trầm (thụ vào trong), độc tính của thuốc. Mỗi vị thuốc có một khí, một hoặc nhiều vị. Khí vị này theo đường kinh đến nơi có bệnh, để phát huy tác dụng thăng tán trầm giáng, thuốc có thể không có độc, có tiêu độc, có độc và có đại độc, có lúc thấy thuốc phải lấy độc trị độc” [25, 212]. Qua đó, cổ sữ quan niệm chữa bệnh của người xưa “Thuốc Nam chữa bệnh cho người Nam”.

3.1.4.2. Các bài phú về dược tính

Hàn tính phú, Nhiệt tính phú, Ôn tính phú, Bình tính phú

3.1.5. Vấn đề bào chế thuốc và Lôi công bào chế quốc ngữ ca

Vấn đề bào chế thuốc được nêu trong hai văn bản. Văn bản VHv.518

có mục *Lôi công bào chế pháp*. Văn bản VHv.515 có mục *Lôi công bào chế quốc ngữ ca*. Việc bào chế thuốc được đề cập cả bằng văn Hán và văn Nôm đã cho thấy tầm quan trọng của việc phổ biến kỹ thuật bào chế cho những người làm nghề thuốc.

3.2. Hệ các vấn đề về Mạch và Y

Một trong những yếu tố làm nên sự khác biệt của *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam so với *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền là ở chỗ, ở *Dược tính ca quát* Hán Nôm còn có khoảng 60 mục vốn không có ở Cung Đình Hiền. Chính điều này đã tạo nên cơ cấu các mục riêng nếu so sánh với Cung Đình Hiền. Chúng hình thành cơ cấu các mục của phần riêng.

3.2.1. Khái quát vấn đề về MẠCH

Trong Đông y, người ta dùng phương pháp chẩn mạch để nhận biết bệnh. Bởi vậy, MẠCH là một bộ phận của Đông y. Cơ thể con người có hệ thống đường kinh mạch (12 kinh lạc). Căn cứ vào mạch (nhịp đập nhanh/ chậm) để biết bệnh nặng nhẹ như thế nào. Ở *Dược tính ca quát*, các phần mục viết về mạch tiêu biểu có thể kể đến như: *Luận kinh mạch quốc ngữ ca*: “Ngồi nhàn luận ca chân mạch. Âm dương hư thực cho biết mới hay. Thốn quan, xích bộ bằng nay, Âm thì thuộc xích, thốn rày thuộc dương”.

Dựa vào mạch, người thầy thuốc kê đơn thuốc phù hợp. Mỗi loại mạch là một dấu hiệu để nhận biết bệnh. Chẳng hạn “Thận đen phế trắng thì nên tât vàng. Tâm thì hảo đắng mới an, Tì thì hảo ngọt, gan thì hảo chua...”

Ở *Gia truyền mạch pháp quốc ngữ ca* (VHv.515) lại giới thiệu phương pháp trị bệnh từ thời Thần Nông: “Nhàn rồi mở cuốn y thư. Linh đơn huyền diệu đăng từ Thần Nông... Đúc quân vương đặt bày xem mạch. Tế nhân thân hiển xích trước sau”...

3.2.2. Khái quát vấn đề về Y

Y còn được gọi là BỆNH nhằm đề cập đến các triệu chứng lâm sàng. BỆNH phát hiện trên cơ sở bắt mạch, xem mạch, xem bệnh. Sau khi bắt mạch, xác định được bệnh là đến lúc bốc thuốc trị bệnh. Do vậy, nói đến Y tức là nói đến BỆNH và TRỊ BỆNH.

Dược tính ca quát có nhiều mục nói về một số bệnh thường gặp, các bài thuốc, phương thuốc trị bệnh như bệnh phong hàn, ỉa chảy, bệnh đau mắt, đau đầu, ung nhọt, sốt rét, phát ban, sỏi, đậu mùa, phụ khoa...

3.2.3. MẠCH và Y trong văn bản *Dược tính ca quát*

3.2.3.1. MẠCH và Y trong văn bản *Dược tính ca quát*, VHv.518

Văn bản *Dược tính ca quát*, VHv.518 có 15 mục đề cập đến MẠCH và Y. So với các mục về DUỐC thì các mục về MẠCH và Y ở đây mang đặc trưng phân tích tính hơn. Đó là các bài phú về cơ thể con người phục vụ cho việc bắt mạch như phú về tâm tạng, can tạng, tì tạng, phế tạng, thận tạng; các bài luận về ruột non ruột già, mật, dạ dày, bàng quang, tam tiêu; các bài ca về mạch người trẻ, người già, mạch thần mạch, ...

3.2.3.2. Mạch và Y trong văn bản *Dược tính ca quát*, VNv. 274

Văn bản DTCQ, VNv.274 có 12 mục có nội dung đề cập đến MẠCH và Y. Việc văn bản này có đồ hình bàn tay thể hiện mối quan hệ của lục phủ ngũ tạng với ngũ hành đã cho ta thấy sự nhận thức về mạch đã được quán triệt rất sâu sắc và cụ thể. Xem mạch và dạy xem mạch cũng như bắt mạch phải dựa vào đồ hình. Sau đó là các bài luận thức, ca quyết. Rõ ràng sự ghi chép các mục này trong mối quan hệ với *Được tính ca quát* ở trên thật là có ý nghĩa.

3.2.3.3. *Mạch và Y trong văn bản Được tính ca quát* , VHv. 515

Được tính ca quát, VHv.515 có 7 về nội dung MẠCH và Y. *Được tính ca quát* ở đây có 387 vị dược liệu. So với nhiều văn bản, ở văn bản này DUỘC có nét đậm nhất và được xem là văn bản đại diện cho cả 07 văn bản *Được tính ca quát*. Còn các mục có nội dung MẠCH và Y được thể hiện bằng các bài phú, ca.

3.2.3.4. *Mạch và Y trong văn bản Được tính ca quát* , VHv. 209

Có 8 mục có nội dung đề cập đến MẠCH và Y. Các vấn đề về Y lại được đặt trước những trình bày về MẠCH.

3.2.3.5. *Mạch và Y trong văn bản Được tính ca quát* , VHv.519.

Có 5 mục có nội dung về MẠCH và Y. MẠCH ở đây hướng vào các vấn đề chẩn mạch ở dạng ca.

3.2.3.6. *Mạch và Y trong văn bản Được tính ca quát* , VHv.536

Chỉ có 01 mục về MẠCH và Y.

藥性歌括 *Được tính ca quát* VHv.536 chỉ có 01 mục về MẠCH và Y.

3.2.3.7. *Mạch và Y trong văn bản Được tính ca quát* , VHv.1027

Có 01 mục đề cập đến Mạch và y nói chung. Đúng ra mà nói, ở đây chỉ đề cập đến tạp bệnh.

3.2.4. Thể loại cho việc diễn đạt hệ các vấn đề về Mạch và Y

Việc xác định thể loại cho việc diễn đạt các vấn đề về MẠCH và Y trong *Được tính ca quát* nhằm xác định cơ cấu các thể loại văn bản được sử dụng cho mục tiêu trình bày các vấn đề thuộc bình diện nội dung. Các ngữ danh từ này có trung tâm ngữ và định ngữ của mình. Trung tâm ngữ thường là những từ chỉ các thể loại văn học hay dạng thức văn bản.

3.2.4.1. *Được tính ca quát* , VHv.518

Việc tách và gộp nhóm ở đây được thực hiện qua yếu tố trung tâm của các danh ngữ này như phú, luận, ca.

3.2.4.2. *Được tính ca quát*, VNv.274

Các từ làm trung tâm ngữ ở đây như: 集 tập, 式 thức, 訣 quyết, 歌 ca hay là các từ chỉ một lĩnh vực chuyên khoa nào đó.

3.2.4.3. *Được tính ca quát* , VHv. 209

Được tính ca quát, VHb. 209 có thể chia các mục/phần của văn bản thành nhóm luận, nhóm thuyết, nhóm ca, khẩu quyết.

3.2.4.4. *Được tính ca quát* VHv.519

Được tính ca quát, VHv.519, chủ yếu được dùng thể loại ca

Về phương diện trình bày theo thể loại văn bản cũng có sự phân công nào đó giữa các văn bản. Hai văn bản VHv.536 và VHv.1027 do quá ngắn nên các vấn đề về thể loại văn bản không có gì nổi bật. Trong khi đó các văn bản khác có số mục thuộc các nội dung MẠCH và Y lớn hơn như: VHv.518 có 15 mục thiên về các văn thể như phú, luận. VNv.274 có 12 mục thiên về thức. VHv.515 có 7 mục thiên về phú, ca. VHb.209 có 8 mục thiên về thuyết. VHv. 519 thiên về ca.

Tiểu kết

Chương này đã trình bày về nội dung của văn bản *Được tính ca quát*, cung cấp cái nhìn toàn diện về nhóm văn bản được mang tên *Được tính ca quát* để phục vụ cho mục tiêu lí giải tại sao một loạt văn bản y dược Hán Nôm lại được mang tên như thế.

Việc xác định hệ các vấn đề về nội dung đã cho phép phân loại hơn 60 mục có trong 07 văn bản *Được tính ca quát* thành hai nhóm lớn. Một là nhóm các mục có hệ vấn đề nội dung chuyên đề cập đến DƯỢC. Hai là nhóm các mục có hệ vấn đề nội dung đề cập đến MẠCH và Y. Với yêu cầu truyền nghề DƯỢC nên khi biên tập một bộ sách về dược tính, các nhà biên tập trong quá khứ đã chọn *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền làm nền tảng. Tuy nhiên, với yêu cầu soạn một tập sách về dược tính có tính truyền nghề y dược cho người Việt Nam, chỉ riêng đọc *Được tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền là chưa đủ. Các nhà biên tập y dược học Hán Nôm cổ truyền Việt Nam đã mở rộng phạm vi trình bày về dược qua một loạt các vấn đề như: tăng bổ vị thuốc (25 vị), trích tuyển thêm các vị thuốc ở Việt Nam vào qua nhiều nguồn, nhất là các nguồn dược học cổ truyền Việt Nam như *Nam dược thân hiệu*. Đồng thời, trình bày luôn hàng loạt các vấn đề khác như bào chế thuốc, dược tính lí thuyết (ôn, nhiệt, hàn, bình), các vấn đề về cơ thể con người qua các bài phú nhằm làm cho người học nắm được mối quan hệ giữa việc nắm bắt các bộ phận của cơ thể người với việc dùng thuốc.

Bên cạnh đó, *Được tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam còn được trình bày trong mối liên hệ với các vấn đề về MẠCH, BỆNH cho dù các vấn đề này không được thể hiện một cách đều đặn trong các văn bản.

Như vậy, *Được tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam ở một mức độ nhất định đã làm nổi bật cách thức và tính chất Việt Nam trong việc tiếp nhận và sử dụng một bộ sách về dược liệu, dược tính của Trung Quốc làm sách hướng dẫn cho những người làm thuốc.

Các vấn đề được trình bày cũng như cách thức trình bày như thế vừa gắn bó với các vấn đề về dược ở cấu trúc phần chung và cùng với phần riêng làm nên một sự tổng hợp mang tính hợp tập cả DƯỢC – MẠCH – Y của nhóm văn bản mang tên *Được tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam nói chung. Còn về giá trị của văn bản sẽ được trình bày ở chương tiếp theo của luận án này.

CHƯƠNG 4

GIÁ TRỊ CỦA VĂN BẢN DƯỢC TÍNH CA QUÁT

Dược tính ca quát là văn bản mang tính hợp tập, cuốn sổ tay ghi chép phong phú, chứa đựng giá trị vô cùng quý báu, thiết thực trong việc nghiên cứu y dược cổ truyền và chữa bệnh cho nhân dân.

4.1. Về giá trị sử dụng

4.1.1. *Dược tính ca quát là một cuốn sách thuốc dùng để chữa bệnh.*

Dược tính ca quát ngõ hầu phổ biến không chỉ đối với các thầy thuốc Đông y mà còn được các nhà sư sử dụng làm sách để dạy chữ Hán chữ Nôm cho các học trò, truyền dạy những kiến thức y học cổ truyền căn bản. Bên cạnh đó, *Dược tính ca quát* do người Việt biên soạn cũng là sách dạy chữ Nôm. Dù chỉ chiếm một phần nhỏ trong toàn thư tịch *Dược tính ca quát* nhưng cũng là những nội dung quan trọng, thể hiện sự sáng tạo, đặc điểm riêng của văn bản *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam.

4.1.2. *Nguồn dược liệu phong phú, quý hiếm dễ tìm*

Nguồn dược liệu được giới thiệu trong *Dược tính ca quát* phong phú, đa dạng, nhiều loại trong số đó là thảo dược, cây thuốc quý hiếm, dễ tìm kiếm trong vườn nhà như: Bạch mao, Ích mẫu, Tử tô, Kinh giới, Tân lang, Sinh khương... Nhờ đó, người dân có thể chủ động trong việc phòng chống những triệu chứng bệnh đơn giản như nhức đầu, đau bụng, tiêu chảy, cảm máu...

4.1.3. *Các bài thuốc dễ tìm, dễ học.*

Qua thực tế tìm hiểu, chúng ta thấy, những bài thuốc dân gian của Đông y là những bài thuốc hữu hiệu cho con người. Một số cây thuốc và bài thuốc được dân gian gọi là cây thuốc và bài thuốc thần tiên. Cách gọi đó tự thân đã thể hiện tính dân gian hóa trong nguồn gốc hình thành, phương pháp chữa bệnh của Y học truyền thống.

4.1.4. *Cách bào chế đơn giản, bảo quản tốt sử dụng lâu*

Qua tìm hiểu, các phương pháp bào chế dược liệu là kinh nghiệm được ghi chép, bổ sung, tổng kết lại của nhiều người, nhiều thế hệ có thể chia thành các phương pháp:

- Thứ nhất, phương pháp bào chế dược liệu chỉ dùng lửa
- Thứ hai, phương pháp bào chế dược liệu chỉ dùng nước
- Thứ ba, phương pháp bào chế dược liệu dùng kết hợp cả nước và lửa.

Thông qua các cách bào chế này, dược liệu được dùng vào việc trị bệnh có thể bảo quản lâu hơn, dùng tiện lợi hơn.

4.1.5. *Các bài văn hỗ trợ giúp cho việc sử dụng thuốc đạt hiệu quả.*

Đó là việc sử dụng đa dạng các thể văn (ca, phú, luận...) giúp cho việc sử dụng thuốc được dễ dàng, hiệu quả. Các tác giả người Việt khéo léo đưa vào các bài văn, có vần có điệu, ngắn gọn, cung cấp lượng thông tin căn bản nhất về đặc điểm, tính chất, công dụng cũng như cách bào chế dược liệu. Chẳng hạn, giới thiệu nguồn dược liệu, DTCQ Việt Nam dùng thể ca (*Nhân sâm vị cam, Đại bố nguyên khí...*), dùng phú để mô tả tính

chất của dược liệu, các bộ phận trong cơ thể người (*Ôn tính phú, Hàn tính phú, Nhiệt tính phú, Bình tính phú, Nhân thân cương lĩnh phú...*)

4.2 Giá trị ứng dụng

Nghiên cứu *Dược tính ca quát* trang bị những tri thức cần thiết về đặc điểm, công dụng của dược liệu. Từ đó, vận dụng vào việc phòng, trị bệnh, chăm sóc sức khỏe cho con người.

4.2.1. Ứng dụng vào việc phòng, trị bệnh

Sử dụng nguồn dược liệu trực tiếp vào việc phòng bệnh, chữa bệnh đối với một số chứng bệnh thường mắc như: đau bụng, sốt rét, kiết lỵ, tiêu chảy, kinh nguyệt không đều... Từ đó, chúng ta có thể sử dụng dược liệu vào việc phòng trị bệnh của bản thân và những người trong gia đình.

4.2.2. Ứng dụng vào việc chăm sóc sức khỏe con người

Xuất phát từ tác dụng của dược liệu, có thể sử dụng chúng làm thực phẩm, gia vị, thực phẩm chức năng để có thể bồi dưỡng, nâng cao sức khỏe, chống nguy cơ mắc bệnh, lão hóa cho con người. Những loại dược liệu được bào chế từ nguồn nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên được gọi là thực phẩm chức năng, có tác dụng hỗ trợ các bộ phận bên trong cơ thể con người nhằm đề phòng bệnh tật, tăng sức đề kháng.

4.3 Một số đề xuất ứng dụng nội dung trong đời sống

Dược tính ca quát có giá trị trên các phương diện khoa học, thực tiễn đời sống.

4.3.1. Phục hồi lại các bản *Dược tính ca quát* hiện còn

Từ việc nghiên cứu văn bản *DTCQ* và khảo sát nhóm 07 văn bản, chúng tôi thấy giữa các văn bản có chỗ tương đồng và dị biệt. Chính sự khác biệt, thiếu sự quy chuẩn (đều là sách sao chép, không có tên tác giả, niên đại) giữa các văn bản khiến cho việc tìm hiểu, nghiên cứu văn bản gặp nhiều khó khăn. *DTCQ* là văn bản chứa đựng nhiều giá trị, có tính ứng dụng nên cần thiết cần phải phục hồi lại bằng cách chuẩn hóa, bổ khuyết, hiệu đính những chỗ dùng chữ chưa chính xác, in ấn thành sách để việc phổ biến trở nên thuận lợi.

4.3.2. Giải mã các văn bản *Dược tính ca quát* ra tiếng Việt

DTCQ là văn bản mang tính nguyên sơ dân gian. Do vậy, để học tập, kế thừa và ứng dụng tri thức của ông cha vào thực tiễn khám chữa bệnh cho con người, chúng ta cần phải phiên âm, dịch nghĩa, phiên Nôm ra tiếng Việt để nhiều người tiếp cận với văn bản, tìm hiểu, phát hiện thêm những giá trị quý báu của văn bản.

4.3.3. Phổ biến rộng rãi nguyên văn và các bản dịch *Dược tính ca quát* đến người đọc

Dược tính ca quát sau khi được giải mã, cần phổ biến rộng rãi các bản dịch đến người đọc bằng cách xuất bản sách, thông qua các bài nghiên cứu giới thiệu trên báo, đài hoặc đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Có như vậy, chúng ta mới lĩnh hội, học tập, gìn giữ và phát huy được tri thức của người xưa để lại. Tránh được sự mất mát, tam sao thất bản – tư liệu Hán Nôm giá trị bởi sự thờ ơ, lãnh đạm của con người.

4.3.4. Dùng làm tài liệu học tập, giảng dạy cho những người học, yêu

thích Y học cổ truyền, chữ Hán, chữ Nôm.

DTCQ có thể dùng làm tài liệu học tập, giảng dạy tri thức y học cổ truyền, chữ Hán chữ Nôm. Từ đó, giúp cho người học có thể đúc rút kinh nghiệm học tập văn tự Nôm, văn tự Hán, cũng như việc lĩnh hội tri thức khoa học của ngành y học cổ truyền.

Tiểu kết

Chương 4 là chương đi vào đánh giá giá trị của văn bản *Dược tính ca quát* trên hai phương diện giá trị sử dụng và giá trị nghệ thuật.

Giá trị sử dụng của văn bản chính là giá trị ứng dụng các nội dung văn bản phản ánh còn giá trị nghệ thuật là tác dụng của văn thể, dạng thức trình bày, văn tự (thể ca, phú, biện, luận, thức; chữ Hán, chữ Nôm).

KẾT LUẬN

Luận án lấy văn bản *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam làm đề tài nghiên cứu theo định hướng hệ thống hóa các văn bản có tên trên đây hiện đang được lưu giữ tại VNCHN, làm rõ các vấn đề về mặt văn bản học của chúng, mô tả cơ cấu các mục, hệ thống hóa các mục theo chủ đề nội dung và xem xét chúng trong các mối quan hệ, nhất là trọng mỗi quan hệ với *Dược tính ca quát tứ bách vị* của y gia Cung Đình Hiền, làm rõ hệ các vấn đề về phương diện nội dung, xin được nêu ra các kết luận sau đây:

1. Trong Kho sách của VNCHN hiện nay đang lưu giữ 07 văn bản có tên là *Dược tính ca quát*. 07 văn bản đó là *Dược tính ca quát*, kí hiệu VNv.274, gồm 240 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHv.518, gồm 240 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHv.519, gồm 98 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHv.536, gồm 119 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHv.1027, gồm 66 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHb.209, gồm 262 trang; *Dược tính ca quát*, kí hiệu VHv.515

2. Tiến hành các nghiên cứu văn bản học cho thấy các văn bản đều viết tay, các mục trong từng văn bản có khi được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hoặc cả Hán lẫn Nôm. Các văn bản đều không có nhiều chỉ số cho việc xác lập niên đại văn bản, người biên soạn, người chép. Hơn nữa, các văn bản đều có các kí hiệu như VHv, VHb, VNv tức là các kí hiệu không phải thuộc nguồn của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp thuê chép mà chúng được thu về từ dân gian nhất là trong giai đoạn cải cách ruộng đất đầu những năm năm mươi của thế kỉ trước, chúng mang tính nguyên sơ dân gian. Điều này có nghĩa là, các văn bản này là những văn bản chép tay cho yêu cầu hành nghề làm thuốc của các thầy thuốc Đông y khi xưa.

3. Hạt nhân của các văn bản chính là *Dược tính ca quát tứ bách vị* hoặc *Vân Lâm ca quát* của tác giả Cung Đình Hiền, hiệu là Văn Lâm, người huyện Kim Khê, Trung Quốc đời Minh. Ông còn có tên hiệu khác là Lôi Công. Ngoài *Dược tính ca quát* ra ông còn nhiều tác phẩm y học có giá trị khác được người đời truyền tụng như *Vạn bệnh hồi xuân*, *Thọ thế bảo nguyên*, *Vân Lâm thần cốc*... Văn bản *Dược tính ca quát tứ bách vị*

của Cung Đình Hiền được thể hiện ở nhóm văn bản hoặc ở dạng đầy đủ (nhóm một) hoặc ở dạng tinh lược (nhóm hai).

4. Nhóm một là 03 văn bản như: *Dược tính ca quát*, VHv. 518 với 394 vị dược liệu; *Dược tính ca quát*, VHv. 536 có 391 vị dược liệu; *Dược tính ca quát*, VHv. 515 có 396 đơn vị dược liệu thì về cơ bản chúng đều giống với *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền. Có thể nói, nhóm này phản ánh hầu như những gì mà bản Cung Đình Hiền đã có.

5. Nhóm hai là 04 văn bản sau: 1. *Dược tính ca quát* kí hiệu VHv.1027 có 367 vị. dược liệu; 2. *Dược tính ca quát* kí hiệu VHv.519 có 248 vị; 3. *Dược tính ca quát* kí hiệu VNb.209 có 238 vị; 4. *Dược tính ca quát*, trong văn bản VNv. 274 có 132 vị dược liệu. Chúng là những văn bản tinh lược.

6. Ngoài *Dược tính ca quát* có nguồn gốc từ *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền ra, ở các văn bản này lại còn có những ghi chép thành mục về dược liệu, dược tính, cách bào chế thuốc, cách bắt mạch, cách chữa nhiều loại bệnh. Các mục này về mặt nội dung cơ bản thuộc về các lĩnh vực MẠCH và Y. Chúng được ghi hoặc bằng chữ Hán hoặc bằng chữ Nôm.

7. Từ cơ cấu các mục có trong 07 văn bản thuộc nhóm cùng tên *Dược tính ca quát* gồm 63 mục, luận án đã khái quát lên cơ cấu các mục theo cơ chế lưỡng phân. Một là những mục và những nội dung mà tất cả các văn bản đều có cho dù ở dạng đầy đủ hay tinh lược. Chúng thuộc vào cơ cấu các mục của phần chung hay cấu trúc phần chung. Hai là những mục chỉ có trong từng văn bản, chúng thuộc các mục ở phần riêng cho từng văn bản cụ thể. Về cơ bản, những mục chung hoặc ở dạng đầy đủ hoặc dạng tinh lược có nội dung thuộc về DƯỢC. Các mục thuộc phần riêng về cơ bản có nội dung về MẠCH và Y.

8. Với cấu trúc hai phần và mỗi phần lại hướng vào các nội dung có tính phạm trù như thế, văn bản *Dược tính ca quát* Hán Nôm Việt Nam có tính hợp tập, thực hiện và đảm nhận vai trò như là một cẩm nang truyền nghề DƯỢC – MẠCH – Y hay nghề thuốc và chữa bệnh nói chung.

9. Trong hệ thống 07 văn bản đã được nêu trên thì văn bản VHv. 515 là văn bản mang tính đại diện cho cả nhóm cả về phương diện số lượng và chất lượng. Về phương diện số lượng, đây là văn bản có 77 tờ, mỗi tờ 2 mặt, có 16 mục hay phần ghi chép. Về phần DƯỢC, văn bản này có 387 vị, về cơ bản ứng với *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền. Hơn nữa, văn bản này lại còn có mục *Tặng bổ phụ chỉ nam nhị thập ngũ vị* và *Lôi Công bào chế quốc ngữ ca*. Điều này cũng là một trong những khía cạnh thể hiện tính chất Việt Nam khi sử dụng *Dược tính ca quát tứ bách vị* của Cung Đình Hiền có nguồn gốc Trung Quốc.

10. Trên cơ sở khảo sát về mặt văn bản học cũng như hệ thống hóa và phân loại các hệ văn đề về nội dung của *Dược tính ca quát*, luận án đã khái quát lên tính cẩm nang truyền nghề DƯỢC - MẠCH - Y của văn bản này. Đó là một hợp tập được biên tập một cách tự phát và mang tính dân

gian. Ở một mức độ nhất định, nó góp phần cho công cuộc tìm hiểu về y dược cổ truyền Việt Nam.

11. Luận án cũng đã đi vào đề cập đến giá trị của văn bản *Dược tính ca quát* cả trên phương diện tư liệu văn hiến cũng như giá trị mang tính chuyên ngành về DƯỢC - MẠCH - Y cho đời sống sức khỏe con người nói chung.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Đinh Thị Thanh Mai (2017), “Giới thiệu văn bản *Dược tính ca quát*”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Khoa học Huế, Đại học Huế, tập 10 (2), tr. 55-57.
2. Đinh Thị Thanh Mai (2018), “*Dược tính ca quát* – cuốn sách quý trong giảng dạy chữ Hán, chữ Nôm và những tri thức giá trị về y học truyền thống ở nước ta”, *Tạp chí nghiên cứu nước ngoài*, Trường Đại học ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội tập 34 (3), tr.164 – 167.
3. Đinh Thị Thanh Mai (2018) “Giới thiệu bài *Nhân thân cương lĩnh phủ*”, *Hội thảo Hán Nôm thường niên*, VNCHN.
4. Đinh Thị Thanh Mai (2018), “Chữ Nôm dưới góc độ văn tự học”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh GRS*, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội, tr.432 - 439.
5. Đinh Thị Thanh Mai (2018), “Vấn đề văn tự trong văn bản *Dược tính ca quát*”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Ngôn ngữ học Việt Nam những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế*, Trường Đại học Sư Phạm, Đà Nẵng, tr. 291-295.
6. Đinh Thị Thanh Mai (2019), “Giới thiệu một số sách Hán văn viết về cây làm thuốc ở Việt Nam và Trung Quốc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ ngôn ngữ quốc tế học tại Việt Nam*, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội, tr.291 - 301.
7. Đinh Thị Thanh Mai (2019), “*Dược tính ca quát* qua góc nhìn so sánh”, *Nghiên cứu Hán Nôm 2019*, NXB Thế giới, tr.695-706.
8. Đinh Thị Thanh Mai (2019), “Cấu trúc phần chung của nhóm văn bản *Dược tính ca quát*”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh GRS*, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội, tr.506-513.
9. Đinh Thị Thanh Mai (2019), “Học chữ Hán, chữ Nôm qua *Nam bang thảo mộc*”, *Kỷ yếu điện tử Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu liên ngành về Ngôn ngữ và giảng dạy Ngôn ngữ lần thứ V*, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, tr.914-925.
10. Đinh Thị Thanh Mai (2020), “Cấu trúc phần riêng trong văn bản *Dược tính ca quát*”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam*, tr.312- tr.3.22.

